

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIKOMIX**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VIKOMIX

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIKOMIX JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIKOMIX CO., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110231056

**3. Ngày thành lập:** 13/01/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

HA02-147, Dự án khu đô thị Gia Lâm – Vinhomes Ocean Park, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0888 601 167

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4330     |
| 4.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán buôn (không lập cơ sở bán buôn), quyền phân phối bán lẻ (không lập cơ sở bán lẻ) phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.<br>(Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ) | 4530     |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hoá (Trừ đấu giá tài sản)<br>(Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ)                                                                                                                                                                                                           | 4610     |
| 6.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán buôn (không lập cơ sở bán buôn) các thực phẩm theo quy định của pháp luật Việt Nam.<br>(Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ)                                                                                                                                                   | 4632     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 7.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Không bao gồm dịch vụ quảng cáo các hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam (Trừ hoạt động hợp báo).<br>(Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ)                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8230        |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam.<br>(Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ)                                                                                                                                                                                                                                                      | 8299        |
| 9.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6201        |
| 10. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6202        |
| 11. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6209        |
| 12. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, thuế, chứng khoán, pháp lý, kiểm toán, kế toán)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6619        |
| 13. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Phạm vi hoạt động theo các Điều 11, 62, 67, 69, 74 Luật Kinh doanh bất động sản và các quy định pháp luật có liên quan.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6810        |
| 14. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Dịch vụ môi giới, tư vấn, quản lý và sàn giao dịch bất động sản<br>Phạm vi hoạt động theo các Điều 11, 62, 67, 69, 74 Luật Kinh doanh bất động sản và các quy định pháp luật có liên quan.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6820        |
| 15. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ tư vấn quản lý (trừ thuế kinh doanh, tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, kế toán, kiểm toán, chứng khoán);<br>- Dịch vụ liên quan đến tư vấn quản lý (chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý dự án khác với dịch vụ xây dựng).<br>(Không cung cấp dịch vụ trọng tài và hòa giải đối với tranh chấp thương mại giữa các thương nhân, dịch vụ pháp lý, dịch vụ thuế, kiểm toán và kế toán, không cung cấp dịch vụ tư vấn về quản lý danh mục đầu tư ngắn hạn, hoạt động lĩnh vực quảng cáo, không thực hiện dịch vụ tư vấn việc làm, học nghề, chính sách có liên quan đến quan hệ lao động - việc làm, hoạt động vận động hành lang). | 7020(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Không bao gồm dịch vụ liên quan đến khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát môi trường, khảo sát kỹ thuật phục vụ quy hoạch phát triển đô thị nông thôn, quy hoạch phát triển ngành, các dịch vụ bị cấm khác theo quy định của pháp luật Việt Nam                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7110 |
| 17. | Bán buôn tổng hợp<br>Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán buôn (không lập cơ sở bán buôn) hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam. (Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ)                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4690 |
| 18. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ (không lập cơ sở bán lẻ) các hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam. (Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ)                                                                                                                                                                                                                                       | 4799 |
| 19. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường<br>(Chỉ được thực hiện sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại Luật An toàn thực phẩm ngày 17/06/2020, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn thực phẩm, Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công thương, các quy định hướng dẫn có liên quan; và đảm bảo điều kiện an toàn về phòng cháy chữa cháy) | 5610 |
| 20. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Chi tiết: Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường<br>(Chỉ được thực hiện sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại Luật An toàn thực phẩm ngày 17/06/2020, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn thực phẩm, Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công thương, các quy định hướng dẫn có liên quan; và đảm bảo điều kiện an toàn về phòng cháy chữa cháy)                          | 5630 |
| 21. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4311 |

|     |                                                                                        |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 22. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: Không bao gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn | 4312 |
| 23. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                  | 4321 |

**6. Vốn điều lệ:** 4.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 400.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông              | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | SOLUTIONMI<br>X CO., LTD | 51-20, Teheran-ro<br>5-gil, Gangnam-<br>gu, Seoul<br>(Yeoksam-dong),<br>Hàn Quốc   | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 392.000       | 3.920.000.000            | 98,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                    | Tổng số                            | 392.000       | 3.920.000.000            | 98,000       |                                                                                                                        |            |

|   |                |                                                                                                        |                                    |       |            |       |           |
|---|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-------|------------|-------|-----------|
| 2 | JIN<br>DAEHYUN | Số nhà 24, ngõ 44<br>Đỗ Quang,<br>Phường Trung<br>Hoà, Quận Cầu<br>Giấy, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 4.000 | 40.000.000 | 1,000 | M00176626 |
|   |                |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0     | 0          | 0,000 |           |
|   |                |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0     | 0          | 0,000 |           |
|   |                |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0     | 0          | 0,000 |           |
|   |                |                                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0     | 0          | 0,000 |           |
|   |                |                                                                                                        | Tổng số                            | 4.000 | 40.000.000 | 1,000 |           |
|   |                |                                                                                                        |                                    |       |            |       |           |
| 3 | YANG JINHO     | 302, 84 jangdam<br>– gil, Chowol –<br>eup, Gwangju, si,<br>Gyeonggi – do,<br>Hàn Quốc                  | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 4.000 | 40.000.000 | 1,000 | M01734148 |
|   |                |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0     | 0          | 0,000 |           |
|   |                |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0     | 0          | 0,000 |           |
|   |                |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0     | 0          | 0,000 |           |
|   |                |                                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0     | 0          | 0,000 |           |
|   |                |                                                                                                        | Tổng số                            | 4.000 | 40.000.000 | 1,000 |           |
|   |                |                                                                                                        |                                    |       |            |       |           |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông           | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức      | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | SOLUTIONMI X CO., LTD | 51-20, Teheran-ro 5-gil, Gangnam-gu, Seoul (Yeoksam-dong), Hàn Quốc       | Cổ phần phổ thông         | 392.000    | 3.920.000.000                                                           | 98,000    |                                                                                                               |         |
|     |                       |                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                                                                       | 0,000     |                                                                                                               |         |
|     |                       |                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                                                                       | 0,000     |                                                                                                               |         |
|     |                       |                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                                                                       | 0,000     |                                                                                                               |         |
|     |                       |                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                                                                       | 0,000     |                                                                                                               |         |
|     |                       |                                                                           | Tổng số                   | 392.000    | 3.920.000.000                                                           | 98,000    |                                                                                                               |         |
|     |                       |                                                                           |                           |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |
| 2   | YANG JINHO            | 302, 84 jangdam – gil, Chowol – eup, Gwangju, si, Gyeonggi – do, Hàn Quốc | Cổ phần phổ thông         | 4.000      | 40.000.000                                                              | 1,000     | M01734148                                                                                                     |         |
|     |                       |                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                                                                       | 0,000     |                                                                                                               |         |
|     |                       |                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                                                                       | 0,000     |                                                                                                               |         |
|     |                       |                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                                                                       | 0,000     |                                                                                                               |         |
|     |                       |                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                                                                       | 0,000     |                                                                                                               |         |
|     |                       |                                                                           | Tổng số                   | 4.000      | 40.000.000                                                              | 1,000     |                                                                                                               |         |
|     |                       |                                                                           |                           |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

|   |                |                                                                                                        |                                    |       |            |       |           |
|---|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-------|------------|-------|-----------|
| 3 | JIN<br>DAEHYUN | Số nhà 24, ngõ 44<br>Đỗ Quang,<br>Phường Trung<br>Hoà, Quận Cầu<br>Giấy, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 4.000 | 40.000.000 | 1,000 | M00176626 |
|   |                |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0     | 0          | 0,000 |           |
|   |                |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0     | 0          | 0,000 |           |
|   |                |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0     | 0          | 0,000 |           |
|   |                |                                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0     | 0          | 0,000 |           |
|   |                |                                                                                                        | Tổng số                            | 4.000 | 40.000.000 | 1,000 |           |
|   |                |                                                                                                        |                                    |       |            |       |           |

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: JIN DAEHYUN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 14/02/1975

Dân tộc: Quốc tịch:

Hàn Quốc

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: M00176626

Ngày cấp: 02/11/2021

Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Hàn Quốc

Địa chỉ thường trú: 2601-ho 104-dong, 5, Eonnam-ro, Giheung-gu, Yongin-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 24, ngõ 44 Đỗ Quang, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội